

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DS-ST
Ngày: 19 – 6 – 2023
V/v tranh chấp về dân sự nợ hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon.
- Ông Lê Văn Dài.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chí Phương là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về dân sự nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1983.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985.
- Chị Nguyễn Thị Tú T1, sinh năm 1984.
- Chị Trần Thị Sơn K, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Hồng L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị Tuyết A vắng mặt lần hai không lý do.

Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, chị **Nguyễn Thị Tú T1** và chị **Trần Thị Sơn K1** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L** trình bày:

Chị **Nguyễn Thị Tuyết A** có tham gia 01 dây hội, với 02 phần, tên trong sổ hội là **Tuyết A**, do chị **Nguyễn Thị Hồng L** làm chủ hội. Cụ thể như sau:

+ Phần hội 1: 1.000.000 đồng/tháng, mở hội vào ngày 25/12/2021 dương lịch một tháng khai một lần vào ngày 25 tây dương lịch, gồm có 25 hội viên tham gia. Chị **Tuyết A** bỏ hội là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sau đó hốt (lãnh) hội trước nhất vào ngày 25/12/2021 dương lịch, với số tiền hốt (lãnh hội) là 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng), trừ tiền huê hồng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), chị **Tuyết A** còn lại số tiền 16.300.000 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng). Sau khi hốt (lãnh) hội, chị **Tuyết A** đã đóng hội chết lại cho chị **Hồng L** được 07 lần với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), số lần hội chết chị **Tuyết A** còn phải châu lại cho chị **Hồng L** là 17 lần, với số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay chị **Tuyết A** vẫn không thực hiện nghĩa vụ đóng hội chết cho chị **Hồng L**.

+ Phần hội 2: Chị **Tuyết A** hốt (lãnh) hội vào ngày 25/03/2022 dương lịch, số tiền bỏ hội là 330.000 đồng (Ba trăm, ba mươi nghìn đồng), số tiền hốt hội được là 17.070.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng), trừ tiền huê hồng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), còn lại 16.570.000 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Sau khi hốt (lãnh) hội, chị **Tuyết A** đã đóng lại cho chị **Hồng L** được 04 lần hội chết với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), còn lại 17 lần hội chết với số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) chị **Tuyết A** không tiếp tục đóng hội chết cho chị **Hồng L**.

Tổng số tiền 02 phần hội chị **Tuyết A** còn nợ chị **Hồng L** là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Nay, chị **Nguyễn Thị Hồng L** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **Nguyễn Thị Tuyết A** phải trả số tiền nợ hội là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

- Bị đơn chị **Nguyễn Thị Tuyết A** không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

- Người làm chứng **Nguyễn Thị Thanh T**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Trần Thị Sơn K** trình bày: Có tham gia dây hội do bà **Nguyễn Thị Hồng L** làm chủ hội dây hội 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), mở hội vào ngày 25/12/2021 dương lịch, có 25 người tham gia chơi hội, mỗi tháng khai 01 lần (vào ngày 25 tây

hàng tháng). Trong dây hụi này có bà Nguyễn Thị Tuyết A cùng tham gia chơi hụi với 02 chân hụi trong dây hụi với tên trong sổ hụi là Tuyết A. Cụ thể: Chân hụi 1: Bà Tuyết A hốt hụi ở lần thứ nhất vào ngày 25/12/2021 (ngay ở lần mở hụi đầu tiên). Chân hụi 2: Bà Tuyết A hốt hụi ở lần thứ tư vào ngày 25/03/2022. Việc bà Tuyết A có tham gia chơi hụi và hốt hụi thì chị T, chị T1 và chị Sơn K có biết, nhưng số tiền hốt hụi và số tiền chưa châu lại hụi chết cụ thể bao nhiêu thì không biết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L. Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết A phải trả số tiền nợ hụi là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của chị Nguyễn Thị Hồng L (Bản sao chứng thực); Biên nhận hốt hụi ngày 25/12/2021 (Bản photo); Biên nhận hốt hụi ngày 25/3/2022 (Bản photo); Danh sách hụi ngày 25/12/2021 (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “V/v tranh chấp về dân sự nợ hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết A cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng

Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị **Nguyễn Thị Tuyết A** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **L**, chị **Tuyết A** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Hồng L** về việc yêu cầu chị **Nguyễn Thị Tuyết A** trả cho chị **L** số tiền nợ hội là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Xét thấy, sau khi thống nhất về hình thức hội, điều kiện làm thành viên, điều kiện làm chủ hội thì giữa chị **Nguyễn Thị Hồng L** và chị **Nguyễn Thị Tuyết A** đã xác lập giao dịch dân sự về hội. Tại thời điểm xác lập giao dịch về hội, chị **L** và chị **Tuyết A** có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập giao dịch về hội thì chị **L** và chị **Tuyết A** đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết giao dịch về hội được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên giao dịch về hội giữa chị **L** và chị **Tuyết A** có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị **L** xác định, chị **Tuyết A** có tham gia 01 dây hội gồm 02 phần do chị **L** làm chủ. Theo thỏa thuận, dây hội do chị **L** mở là hội có hưởng hoa hồng. Theo đó, tại các kỳ mở hội thành viên bỏ hội cao hơn sẽ được lãnh hội và trả hoa hồng cho chủ hội.

Trong quá trình tham gia hội và thực hiện các giao dịch về hội, chị **L** xác định, giữa chị **L** và chị **Tuyết A** có lập danh sách hội viên và biên nhận hốt hội ngày 25/12/2021, ngày 25/3/2022 và có sự chứng kiến của chị **Nguyễn Thị Thanh T**, chị **Nguyễn Thị Tú T1** và chị **Trần Thị Sơn Ka**. Sau khi đã hốt (lãnh) hội thì chị **Tuyết A** chỉ thực hiện việc đóng hội được vài lần, những lần sau thì chị không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng hội. Chị **L** xác định, chị **L** đã nhiều lần yêu cầu chị **Tuyết A** trả khoản tiền nợ hội nhưng chị **Tuyết A** không trả. Như vậy, có cơ sở xác định chị **Nguyễn Thị Tuyết A** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ

hội cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** theo thỏa thuận được quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho chị **Nguyễn Thị Tuyết A** nhưng chị **Tuyết A** không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, chị **Tuyết A** phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền nợ hội yêu cầu của chị **Hồng L**.

Từ những phân tích trên, chị **Nguyễn Thị Hồng L** yêu cầu chị **Nguyễn Thị Tuyết A** trả cho chị **Hồng L** số tiền nợ hội là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Hồng L** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Hồng L** nên chị **Nguyễn Thị Tuyết A** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Hồng L**.

Buộc chị **Nguyễn Thị Tuyết A** trả cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** số tiền nợ hội là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị **Nguyễn Thị Tuyết A** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.014.000 đồng (Một triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001299 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung